

Đánh giá một số nhóm chính sách quan trọng dành cho người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay

Nguyễn Thanh Thủy*

Nhận ngày 25 tháng 6 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 8 tháng 8 năm 2021.

Tóm tắt: Việt Nam đang phải đối mặt với thực tế là một trong những quốc gia có tốc độ già hóa dân số nhanh trên thế giới. Điều này không chỉ tác động tới người cao tuổi (NCT) mà còn ảnh hưởng tới các nhóm cư dân khác trong cộng đồng. Việc tìm hiểu và đánh giá một số nhóm chính sách về NCT cho thấy: một mặt, các văn bản này đã cố gắng mở rộng độ bao phủ tới tất cả các nhóm NCT, hướng đến đảm bảo chăm sóc thể chất và tinh thần. Mặt khác, trong quá trình triển khai, sự không tương thích giữa chính sách với thực tiễn đang khiến cho nhiều NCT chưa có được sự hỗ trợ đúng mức. Do vậy, xây dựng hệ thống chính sách pháp luật phù hợp với NCT là cần thiết và có ý nghĩa thiết thực nhằm hướng tới đảm bảo an sinh xã hội (ASXH) cho mọi người dân.

Từ khóa: Chính sách, luật, người cao tuổi.

Phân loại ngành: Chính sách công

Abstract: Vietnam is facing the reality that it is one of the countries having a fast aging population in the world. This affects not only the elderly but also other populations in the community. The study and assessment of a number of policies on the elderly show that on the one hand, these documents have tried to expand coverage to all groups of older people, aiming to ensure physical and mental care. On the other hand, in the implementation process, the incompatibility between policy and practice is causing many old people not to receive adequate support. Therefore, building a system of legal policies suitable for the elderly is necessary, and has practical significance in order to ensure social security for all people.

Keywords: Policy, law, elderly people.

Subject classification: Public Policy

* Viện Xã hội học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: thuynguyensexh@gmail.com

1. Mở đầu

Việt Nam chính thức bước vào giai đoạn già hóa dân số với tỷ lệ dân số trên 65 tuổi là 7,7% (Phạm Tuấn, 2020). Theo Tổng cục trưởng Tổng cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình, dự báo Việt Nam sẽ bước vào thời kỳ dân số già vào năm 2035, khi tỷ lệ này tăng lên tới 20% với khoảng 21 triệu NCT, đến năm 2038 nhóm cao tuổi ở Việt Nam sẽ chiếm đến 20% tổng dân số. Đến năm 2049, tỷ lệ NCT sẽ chiếm khoảng 25% dân số, tức là cứ 4 người dân có một NCT (Lê Nga, 2019). Một thực tế đáng lo ngại là, dân số Việt Nam đang già đi với một tốc độ rất nhanh. Trong khi Pháp mất 100 năm, Thụy Điển 85 năm, Hoa Kỳ 75 năm, Nhật Bản là 26 năm... để chuyển từ cơ cấu dân số già hóa sang dân số già thì theo dự báo, chỉ khoảng 17 - 18 năm tới, Việt Nam sẽ bước vào giai đoạn dân số già, tức là sớm hơn 2 - 3 năm so với dự báo (Trịnh Thị Thu Hiền, 2019; Nguyễn Đức Vinh, 2020). Điều đó đồng nghĩa với việc hệ thống ASXH quốc gia sẽ phải mở rộng độ bao phủ nhằm đáp ứng sự gia tăng nhanh chóng của nhóm yếu thế này.

Thực tế đó đặt ra những thách thức vô cùng to lớn trong việc cần xây dựng những thể chế phù hợp nhằm tạo tiền đề cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nhà nước lựa chọn những phương thức trợ giúp NCT một cách phù hợp. Đồng thời, giúp NCT hiểu và nắm được những quyền và trách nhiệm của mình hiện nay, bảo đảm cho họ được thụ hưởng một cách đầy đủ, không bị bỏ lại phía sau. Trong bối cảnh đó, việc tiến hành tổng hợp, phân tích các chính sách, văn bản pháp lý về NCT là cần thiết nhằm đánh giá các định hướng và ưu tiên chính sách dành cho NCT Việt Nam trong hai thập niên qua và những chuẩn bị về chính sách cho tình trạng già hóa dân số nhanh của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. Vận dụng cách tiếp cận chu trình sống (life course perspective - bao gồm: mạng lưới xã hội của NCT; môi trường sống/không gian sống của NCT; hạ tầng tổ chức dành cho NCT) để tiến hành phân tích, đánh giá sự bao phủ của các nhóm văn bản chính sách chính có liên quan và tác động trực tiếp đến NCT như: chăm sóc sức khỏe, trợ giúp xã hội và tham gia xã hội. Qua đó, góp phần đưa ra những gợi ý chính sách phù hợp, giúp NCT đón nhận tuổi già một cách chủ động và tích cực.

2. Chính sách liên quan đến chăm sóc sức khỏe cho người cao tuổi

Chăm sóc sức khỏe (thể chất và tinh thần) cho NCT luôn là một trong những ưu tiên hàng đầu của Đảng và Nhà nước. Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân năm 1989 quy định rõ: “người cao tuổi được ưu tiên trong khám bệnh, chữa bệnh, được tạo điều kiện thuận lợi để đóng góp cho xã hội phù hợp với sức khỏe của mình. Bộ Y tế, Tổng cục Thể dục thể thao hướng dẫn phương pháp rèn luyện thân thể, nghỉ ngơi và giải trí để phòng, chống bệnh tuổi già” (Điều 41). Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 quy định con cái có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ; cháu đã thành niên có nghĩa vụ nuôi dưỡng ông bà không còn con. Luật này đã sửa đổi vào năm 2014, trong đó có riêng một chương quy định về cấp dưỡng, đề cập đến trách nhiệm của con và cháu trưởng thành có nghĩa vụ cấp dưỡng

cho bố, mẹ. Luật Lao động 2012, quy định về lao động của NCT tại Điều 166, 167 và tại Điều 6 Nghị định 05/2015/NĐ-CP, với việc rút ngắn thời giờ làm việc hằng ngày hoặc làm việc không trọn thời gian hay cân nhắc các công việc nặng nhọc, độc hại khi sử dụng lao động là NCT. Luật Hình sự 2015 quy định tội ngược đãi nghiêm trọng hoặc hành hạ cha mẹ và có quy định hình thức giảm nhẹ đối với tội phạm là NCT và tăng nặng hình phạt đối với người phạm tội đối với NCT. Tuy nhiên, một điều có thể dễ dàng nhận thấy đó là tính khả thi của các quy định, trách nhiệm này chưa thực sự cao bởi nó mang nặng ý nghĩa và giá trị đạo đức nhiều hơn là với tư cách của một chính sách về pháp luật. Và sự vi phạm nếu có xảy ra đa phần được nhìn nhận theo nghĩa “chuyện nội bộ gia đình” và nó được phán xét thông qua các “giá trị đạo đức” nhiều hơn. “Điều 147 bộ Luật Hình sự: Người nào ngược đãi nghiêm trọng hoặc hành hạ cha mẹ thì bị cảnh cáo, cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm” thì tính khả thi của điều khoản này cũng sẽ rất thấp (Trịnh Duy Luân, 2016, tr.28).

Theo chỉ thị 117/TTg/1996 về chăm sóc NCT và hỗ trợ hoạt động cho Hội người cao tuổi Việt Nam, công tác chăm sóc NCT cần được tiếp tục ưu tiên thể hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ngắn hạn và dài hạn của địa phương, trong chỉ tiêu xây dựng gia đình văn hoá, xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư. Đồng thời tiếp tục tuyên truyền, giáo dục về ý thức, thái độ và nghĩa vụ chăm sóc, giúp đỡ, kính trọng NCT. Sau hơn 14 năm thực hiện Chỉ thị số 59-CT/TW/1995 về chăm sóc NCT, tổng kết của Ban Bí thư (2010) cho thấy, mặc dù đã đạt được nhiều thành tựu nhưng cũng bộc lộ một số hạn chế trong quá trình thực hiện, đó là: hội NCT ở cơ sở mới chỉ tập trung chủ yếu vào hoạt động tình nghĩa, chăm sóc sức khỏe hội viên. Công tác xã hội hóa chăm sóc NCT tuy đã được quan tâm, động viên, tạo điều kiện cho các tổ chức xã hội tham gia thực hiện nhưng chưa đạt được kết quả như mong muốn. Hạn chế này cũng cho thấy, bước đầu đã có sự khuyến khích đối với các hỗ trợ cho NCT ngoài khu vực nhà nước mặc dù chưa đem lại hiệu quả rõ ràng.

Chương trình Hành động Quốc gia về NCT giai đoạn 2012 - 2020 đã cụ thể hóa chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2015 sẽ đạt tỷ lệ 100% NCT đau ốm được khám, chữa bệnh. Cùng với với đó, Chiến lược Quốc gia bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn 2030 đã đặt mục tiêu nâng cao dịch vụ y tế cho NCT. Sự ra đời của Đề án Quốc gia về chăm sóc sức khỏe NCT trong giai đoạn 2017 - 2025 được coi là một khung chính sách quan trọng đối với công tác điều phối dịch vụ y tế cho NCT, hướng đến mục tiêu đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe NCT một cách bền vững trong giai đoạn già hóa dân số. Chiến lược ASXH giai đoạn 2011 - 2020 cũng nhấn mạnh vào việc hướng tới chăm sóc sức khỏe cho NCT với việc hoàn thiện các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và trợ cấp cho NCT nhằm giải quyết các rủi ro về kinh tế và sức khỏe. Từ đó xây dựng hệ thống ASXH toàn diện, chăm sóc y tế và trợ giúp xã hội cho NCT để giải quyết hiệu quả hơn các vấn đề sức khỏe, nguy cơ về mặt xã hội, kinh tế của NCT (Nguyễn Thu Hương, 2020, tr.173).

Nghị quyết Đại hội lần thứ XII của Đảng cũng đặc biệt coi trọng việc chăm sóc sức khỏe thể chất và tinh thần của NCT. Và đến Nghị quyết số 21-NQ/TW/2017 hay Chiến lược Dân số đến năm 2030 với sự cụ thể hơn với việc đưa ra nhiệm vụ phát triển mạnh

các loại hình dịch vụ đáp ứng nhu cầu của NCT theo hướng hợp tác công tư, xã hội hóa, khuyến khích tư nhân, doanh nghiệp đầu tư và phát triển các cơ sở, loại hình dịch vụ, chăm sóc NCT đang là những hướng đi đã được đưa ra thông qua hệ thống các chính sách thời gian qua. Để thực hiện Nghị quyết này, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 137/NQ-CP/2017 ngày 31/12/2017 Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới để cụ thể hóa chương trình hành động với những nhiệm vụ được giao trực tiếp cho các bộ ngành. Đây được coi là những tiền đề quan trọng cho sự ra đời của các chính sách đối với NCT trong bối cảnh dân số nước ta bắt đầu bước vào quá trình già hóa. Đồng thời, nó cũng phản ánh sự thay đổi trong quan điểm của Đảng và Nhà nước đối với NCT đó là: thay vì coi chăm sóc NCT là trách nhiệm duy nhất của nhà nước thì hiện nay, trách nhiệm đó đã được san sẻ với cộng đồng và gia đình thông qua các chính sách hỗ trợ giúp NCT tự an sinh.

Pháp lệnh NCT năm 2000 quy định rõ việc khám chữa bệnh miễn phí cho các đối tượng NCT cô đơn, không nơi nương tựa và không có nguồn thu nhập. Nghị định 30/2002/NĐ-CP, Nghị định 63/2005/NĐ-CP, thông tư số 21/2011/TT-BTC hay Luật Bảo hiểm y tế, Luật NCT và gần nhất là Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi năm 2014 đều cho thấy những nỗ lực của nhà nước trong việc mở rộng các nhóm đối tượng NCT được hưởng các quyền lợi trong chăm sóc sức khỏe: cấp thẻ bảo hiểm y tế miễn phí, khám miễn phí đối với NCT từ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp hàng tháng, NCT cô đơn không nơi nương tựa, NCT trên 100 tuổi.

Dự thảo Luật Dân số (tháng 4/2020), tại Điều 20, 21 đã đưa ra biện pháp và trách nhiệm thích ứng với già hóa dân số, dân số già. Theo đó, biện pháp được đưa ra đó là xây dựng môi trường xã hội thân thiện với người già, chăm sóc sức khỏe vật chất và tinh thần đối với NCT thông qua hệ thống chăm sóc sức khỏe, khuyến khích NCT tham gia sản xuất trong điều kiện sức khỏe cho phép. Về trách nhiệm, người trong độ tuổi lao động có trách nhiệm chuẩn bị một cách chủ động cho quá trình già hóa trong tương lai thông qua việc chăm sóc sức khỏe, chuẩn bị nơi ăn ở, sinh hoạt và đóng bảo hiểm xã hội. Cùng với đó là sự vào cuộc của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thích ứng với già hóa dân số thông qua những đóng góp trợ giúp về điều kiện vật chất, tinh thần và cơ sở hạ tầng cho NCT. Tuy nhiên, việc thiết lập các quan hệ xã hội, xây dựng hệ thống mạng lưới xã hội cho NCT chưa thực sự được quan tâm, trong khi đây có thể coi là một trong những giá trị tinh thần quan trọng đối với NCT. “Những NCT lúc khỏe mạnh cũng đã luôn ở trong tâm trạng lo sợ sự cô đơn, khi bị bệnh mối quan ngại ấy càng tăng thêm dẫn đến sự suy giảm về tinh thần. Vì vậy, việc có thêm anh/chị em, những người bạn bên cạnh, có tổ chức đoàn thể đến thăm hỏi, động viên là liều thuốc quý giúp họ chiến thắng bệnh tật” (Nguyễn Thị Thanh Tùng, 2016, tr.24). Xây dựng mạng lưới xã hội cho NCT đóng vai trò quan trọng tới việc nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần cho nhóm cư dân này, tạo môi trường sống thân thiện cho NCT chính là góp phần đem lại những tác động tích cực đối với các nhóm dân số khác.

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1579/QĐ-TTg/2020 phê duyệt Chương trình Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi đến năm 2030, mục tiêu chính của chương trình

là củng cố và phát triển hệ thống cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu và dài hạn cho NCT. Để làm tốt được mục tiêu này đòi hỏi phải có kế hoạch lâu dài cùng với một lượng kinh phí không nhỏ từ ngân sách. Trong bối cảnh độ bao phủ của hệ thống an sinh xã hội quốc gia còn hạn chế thì việc thực hiện được kế hoạch này sẽ cần sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân cùng với nhà nước và sự chuẩn bị của chính bản thân NCT mới có thể thực hiện một cách có hiệu quả.

3. Chính sách liên quan đến trợ giúp xã hội đối với người cao tuổi

Nghị quyết 15-NQ/TW/2012 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020, trong đó nhấn mạnh đến việc khuyến khích sự tham gia của khu vực tư nhân vào triển khai các mô hình chăm sóc NCT, nhất là mô hình nhà dưỡng lão. Phần đầu đến năm 2020, có khoảng 2,5 triệu người được hưởng trợ giúp xã hội thường xuyên, trong đó trên 30% là NCT. Để thực hiện Nghị quyết này, Chính phủ đã đưa ra Nghị quyết 70/NQ-CP/2012, trong đó đã đề cập đến vấn đề hỗ trợ người dân tự an sinh và phát triển, nâng cấp các mô hình chăm sóc các đối tượng yếu thế dựa vào cộng đồng. Trên cơ sở này, phân công xây dựng các chương trình hành động phù hợp gồm: Đề án đổi mới công tác trợ giúp xã hội thường xuyên và đột xuất; Đề án củng cố, nâng cấp hệ thống cơ sở bảo trợ xã hội; Đề án hoàn thiện mô hình chăm sóc đối tượng bảo trợ xã hội dựa vào cộng đồng.

Quyết định số 1533/QĐ-TTg/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án nhân rộng mô hình Câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau giai đoạn 2016 - 2020. Và gần đây nhất là Quyết định số 1336/QĐ-TTg/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án nhân rộng mô hình Câu lạc bộ Liên thế hệ tự giúp nhau đến năm 2025. So với Đề án giai đoạn 2016 - 2020 thì Đề án đến năm 2025 đã cho thấy sự gia tăng về chất, thể hiện qua mục tiêu của các câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau. Theo đó, mọi thành viên được nâng cao sức khỏe về thể chất, tinh thần, nâng cao nhận thức, kiến thức và bảo vệ quyền lợi. Mạng lưới xã hội của NCT sẽ được phát triển thông qua mục tiêu có ít nhất 70% câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau thực hiện đủ các hoạt động và được quản lý tốt để có ít nhất 50% thành viên được vay vốn để sản xuất, kinh doanh tăng thu nhập. So với Đề án của giai đoạn trước thì đến giai đoạn sau, môi trường sống/không gian sống cùng với mạng lưới xã hội của NCT đã được quan tâm và chú trọng. Điều này là cần thiết và quan trọng giúp NCT có thể thích ứng và chủ động trong cuộc sống của mình và với những người xung quanh. Đề án càng đặc biệt có ý nghĩa hơn khi Nghị quyết số 137/NQ-CP xác định nhóm dân số trẻ sẽ bị ảnh hưởng ngày càng lớn bởi nhu cầu cung cấp dịch vụ và chăm sóc cho số lượng lớn NCT. Các gia đình phải chăm sóc cha mẹ và người thân lớn tuổi sẽ nhận được các hình thức hỗ trợ khác nhau. Nhóm dân số trẻ sẽ phải chuẩn bị tốt hơn để bước vào tuổi già trong tình trạng khỏe mạnh và đảm bảo hơn về tài chính (UNFPA, 2019). Đây rõ ràng là một xu thế tất yếu khi nước ta phải đối mặt với vấn đề già hóa dân số như hiện nay, điều này đòi hỏi Việt Nam phải có những chính sách phù hợp và dài hơi bao gồm hệ thống chính sách

cho NCT và những người sẽ bước vào nhóm NCT trong tương lai để họ có thể chủ động bước sang tuổi già.

Bên cạnh bảo hiểm y tế, NCT còn có sự hỗ trợ từ chính sách bảo hiểm xã hội (hưu trí và tử tuất) và trợ cấp xã hội. Trên cả nước hiện chỉ có 23,52% NCT được hưởng lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng (Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2020). Theo Ngân hàng Thế giới (2007), hệ thống hưu trí Việt Nam không phải là hệ thống có tính hỗ trợ người nghèo. Hầu hết NCT hưởng lương hưu sống ở thành thị, đã từng làm việc trong khu vực kinh tế chính thức, có điều kiện sống tốt hơn khu vực nông thôn. Chỉ riêng hai nhóm thu nhập cao nhất đã sử dụng đến 50% chi tiêu của hệ thống này, còn nhóm nghèo chỉ sử dụng 2%. Trong khi đó, số lượng NCT sử dụng hệ thống hưu trí tự nguyện còn rất hạn chế. Một điểm đáng lưu ý là, có đến 57% NCT không được nhận bất kỳ hỗ trợ thu nhập nào từ các chương trình của Chính phủ (Nguyễn Đình Tuấn, 2016, tr.44). Về chế độ mai táng, tử tuất, theo Luật Bảo hiểm xã hội, người tham gia đóng bảo hiểm xã hội sẽ được hưởng chế độ theo quy định. Theo Luật người cao tuổi nếu trường hợp NCT không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng hoặc có mà họ không có đủ điều kiện tổ chức tang lễ thì chính quyền địa phương sẽ phối hợp với các đơn vị tổ chức.

Về chế độ bảo trợ xã hội, theo Luật người cao tuổi năm 2009 và sau đó là Nghị định 136/2013/NĐ-CP quy định NCT thuộc hộ nghèo hoặc từ 80 tuổi trở lên mà không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội hàng tháng, hoặc sống tại các cơ sở bảo trợ xã hội được trợ cấp xã hội từ 270.000đ/tháng. Với mức trợ cấp này, chỉ bằng 45% chuẩn nghèo chung (chuẩn nghèo lương thực) và bằng khoảng 22% chuẩn nghèo phi lương thực. Cùng với sự trượt giá của đồng tiền trong thời gian qua, sức mua của khoản trợ cấp đối với NCT bị giảm đáng kể trong những năm qua: nghiên cứu của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và UNDP (2015) cho thấy, sức mua của khoản trợ cấp xã hội cho NCT từ năm 2007 đến năm 2014 đã giảm hơn 25% (Giang Thanh Long và Đỗ Thị Thu, 2019). Mức trợ cấp xã hội cho NCT chỉ bằng khoảng 38% so với chuẩn nghèo nông thôn và 30% chuẩn nghèo thành thị trong giai đoạn 2016 - 2020 mà Chính phủ đang thực hiện (Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2016). Bên cạnh đó, một bộ phận NCT chưa được hưởng chính sách bảo trợ xã hội do không còn giấy tờ, hồ sơ liên quan. Trong khi đó, các bộ, ngành chức năng lại chưa hướng dẫn để tháo gỡ những vướng mắc này; do tuổi cao sức yếu, nhiều NCT đã qua đời, không có cơ hội hưởng các chính sách bảo trợ xã hội của nhà nước (Nguyễn Văn Đồng, 2017, tr.70). Những trợ giúp mới chỉ tập trung vào một số chế độ trợ cấp xã hội thường xuyên cho những NCT có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, một số ưu đãi khác cho NCT còn hạn hẹp, bao gồm ưu tiên trong khám chữa bệnh, đi lại bằng phương tiện công cộng, v.v.. (Trịnh Duy Luân, 2016, tr.27).

Gần đây nhất, Nghị định 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội quy định mức trợ cấp xã hội mới đã tăng lên với mức chuẩn là 360.000đ/tháng cùng với đó là việc mở rộng đối tượng thụ hưởng: người cao tuổi từ 75 tuổi thuộc diện hộ cận nghèo, hộ nghèo cũng sẽ được hỗ trợ. Như vậy, đối tượng hưởng trợ giúp xã hội đã được mở rộng, điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với nhóm NCT ở khu vực nông thôn (nơi đa phần là những người trước kia làm việc trong khu vực phi chính thức

và không được hưởng lương hưu). Tuy nhiên, so với mức chuẩn nghèo hiện nay với hộ cận nghèo, hộ nghèo¹ thì mức trợ cấp này vẫn còn hạn chế, chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu của NCT. Bởi theo Tổng cục Thống kê, mức sống tối thiểu năm 2020 là 2 triệu/tháng ở thành thị và 1,5 triệu/tháng ở nông thôn (Nguyễn Tuấn Anh và Nguyễn Thị Kim Nhung, 2020, tr.165) thì với mức trợ cấp như hiện nay chỉ đáp ứng được 18% và 24% mức sống của NCT ở thành thị và nông thôn. Mức trợ cấp được đề xuất của Hội NCT Việt Nam hiện nay là 500.000đ/tháng (Hội Người cao tuổi Việt Nam, 2020). Tuy nhiên, trong bối cảnh tỷ lệ NCT của nước ta ngày càng gia tăng thì rõ ràng việc nâng mức trợ cấp phù hợp với đề xuất cho nhóm đối tượng này sẽ là một khó khăn không nhỏ đối với nhà nước. Do vậy, việc tăng từng bước là một giải pháp tạm thời nhằm trì hoãn những khó khăn cho hệ thống ASXH quốc gia nhưng không phải là một biện pháp lâu dài và bền vững. Con số 27% NCT đánh giá chính sách trợ cấp xã hội vừa có giá trị về vật chất, vừa có giá trị về tinh thần (Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2016) chưa thực sự nói lên được nhiều điều về sự phù hợp đối với mức trợ cấp xã hội cho NCT. Sự thay đổi các mức trợ cấp xã hội cho NCT thời gian qua vẫn còn nhiều hạn chế trong việc bắt nhịp được với nhu cầu thực tế. Dẫn tới kết quả là các trợ cấp này phải luôn chạy theo nhu cầu do tác động về lạm phát của nền kinh tế. Sự ra đời của Quyết định số 488/QĐ-TTg/2017 về Đề án “Đổi mới, phát triển trợ giúp xã hội giai đoạn 2017 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030” với mục tiêu chính là mở rộng diện NCT không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội được hưởng trợ cấp xã hội được kỳ vọng sẽ góp phần nâng cao đời sống nhóm NCT đã và đang lao động trong khu vực phi chính thức

Về cơ sở bảo trợ xã hội, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 68/2008/NĐ-CP về quy định điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội trong và ngoài công lập và đến Nghị định số 2020/2021/NĐ-CP đã có những điều chỉnh. Theo Nghị định này thì NCT sống tại các cơ sở bảo trợ xã hội nếu đã được hưởng chế độ trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng thì không được hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Ngoài trợ cấp này, NCT sống tại các cơ sở bảo trợ xã hội còn được hưởng các chế độ như: cấp vật dụng phục vụ cho sinh hoạt hàng ngày, cấp thuốc chữa bệnh thông thường và các dụng cụ, phương tiện hỗ trợ phục hồi chức năng.

4. Chính sách khuyến khích người cao tuổi tham gia xã hội

Nghị quyết 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở văn hóa, giáo dục, thể dục, thể thao, giải trí, du lịch đáp ứng nhu cầu tinh thần và rèn luyện sức khỏe của NCT. Đây có thể coi là văn bản chính sách có ý nghĩa trong việc thay đổi nhận thức dành cho NCT. Thay vì nhà nước chịu trách nhiệm hoàn toàn như trước kia thì với Nghị định này,

¹ Khu vực thành thị là 900.000 - 1,3 triệu đồng/người/tháng (thành thị) và 700.000 - 900.000đ/người/tháng ở nông thôn.

trách nhiệm chăm sóc tạo điều kiện cho NCT tham gia xã hội còn thuộc về mọi người dân, cộng đồng.

Luật NCT năm 2009 là tiền đề quan trọng trong việc đưa ra các quy định, chính sách giúp tạo môi trường sống phù hợp dành cho NCT. Các quy định về việc hỗ trợ NCT trong khi tham gia xã hội đã được đưa ra để từ đó định hướng cho các bộ, ban ngành xây dựng các chính sách hỗ trợ NCT một cách phù hợp. Theo đó, cùng với nhà nước, khuyến khích các tổ chức, cá nhân xây dựng các cơ sở, tổ chức nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần và rèn luyện sức khỏe cho NCT; xây dựng và cải tạo cơ sở hạ tầng phù hợp với NCT; giảm giá vé và dịch vụ đối với NCT trong quá trình tham gia xã hội. Đây là những tiền đề quan trọng giúp NCT có được không gian sống thân thiện cùng với hạ tầng tổ chức phù hợp để từ đó khuyến khích NCT tham gia xã hội, thúc đẩy mạng lưới xã hội nhằm hướng đến một cuộc sống khỏe mạnh về cả vật chất và tinh thần. Luật NCT được coi là dấu mốc quan trọng, cho thấy quan điểm của nhà nước đã có sự thay đổi mạnh mẽ so với trước đây. Đó là khuyến khích NCT thực hiện các quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình, tạo điều kiện cho họ có thể đóng góp cho xã hội cũng như được hưởng mọi nhu cầu của mình.

Việc khuyến khích phát triển hạ tầng cơ sở, tạo điều kiện cho NCT tham gia xã hội thể hiện qua việc đẩy mạnh và khuyến khích phát triển các cơ sở chăm sóc NCT, các cơ sở đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, văn hóa, giải trí của NCT. Trước đó các bộ ban ngành cũng đã có những văn bản pháp lý, trong đó ưu tiên cho NCT, có thể kể đến như: Thông tư 35/2011 của Bộ Y tế; Thông tư 17/2011 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Thông tư 127/2011 của Bộ Tài chính ngày 9/9/2011 quy định mức thu phí tham quan di tích văn hóa, lịch sử, bảo tàng, danh lam thắng cảnh đối với người cao tuổi chỉ gói gọn bằng một quy định: “Mức thu phí tham quan di tích văn hóa, lịch sử, bảo tàng, danh lam thắng cảnh đối với người cao tuổi bằng 50% mức thu phí hiện hành”.

NCT khi tham gia các loại hình giao thông vận tải công cộng có những quy định hỗ trợ cụ thể, theo tinh thần của Luật Người cao tuổi năm 2009: khi tham gia giao thông bằng tàu thủy chở khách, tàu hỏa chở khách, máy bay chở khách sẽ được giảm giá vé, giá dịch vụ (Công văn 3873/BGTVT-CP/2011). Hay sẽ được hỗ trợ giảm giá vé (ít nhất 15%) (Nghị định số 06/2011/NĐ-CP), sắp xếp chỗ ngồi thuận tiện, hỗ trợ khi lên xuống và sắp xếp hành lý nếu cần thiết (Thông tư 71/2011/TT-BGTVT). Bên cạnh đó, cũng khuyến khích các tổ chức, cá nhân kinh doanh vận tải hành khách công cộng đầu tư phương tiện, thiết bị phục vụ NCT tham gia giao thông an toàn, thuận tiện như: xe buýt sàn thấp; các công cụ hỗ trợ NCT lên, xuống phương tiện; thiết bị thông tin và các công cụ khác (Thông tư 71/2011/TT-BGTVT). Quyết định 13/2015/QĐ-TTg về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt, trong đó đưa ra cơ chế đối với các địa phương, tùy khả năng của nguồn lực địa phương thực hiện giảm giá vé đối với NCT (Điều 7). Tuy nhiên, thực tế thực hiện cho thấy vẫn còn nhiều hạn chế, hầu hết NCT chưa được hưởng chính sách giảm giá vé, giá dịch vụ khi tham gia hoạt động giao thông công cộng (Nguyễn Văn Đồng, 2017). Các chính sách hỗ trợ còn mang tính chất chung chung chưa nhắm tới các đối tượng cụ thể, bởi với riêng đối tượng là NCT hiện nay mặt bằng sống của họ là không ngang bằng nhau. Thêm nữa, khả năng tiếp cận dịch vụ xã hội của họ

còn nhiều khoảng cách và mức độ khác biệt để các chính sách có độ bao phủ rộng cần phải cụ thể, chi tiết hơn tới từng nhóm đối tượng NCT.

Việc thực hiện các cơ chế, chính sách này cũng phụ thuộc khá nhiều vào các địa phương, do vậy điều kiện kinh tế, xã hội của các địa phương cũng là nhân tố ảnh hưởng không nhỏ tới việc áp dụng các chính sách dành cho NCT từ trung ương. Lấy ví dụ việc thực hiện Quyết định 13/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 5/5/2015 về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thì phải đến năm 2019 mới chỉ có Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh và một vài địa phương áp dụng được việc miễn hoàn toàn giá vé. Theo đó, hiện nay, trên cả nước có Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh và một vài địa phương đã tiến hành phát thẻ sử dụng miễn phí phương tiện vận tải hành khách công cộng khối lượng lớn (xe buýt) đối với NCT (từ 60 tuổi trở lên ở Hà Nội và từ 70 tuổi trở lên ở Tp. Hồ Chí Minh, Đồng Nai, v.v.). Đây được coi là một trong những cơ chế khuyến khích có hiệu quả sự tham gia cộng đồng của NCT khi tạo cho họ sự chủ động trong việc đi lại thay vì phụ thuộc vào người thân đưa đón hoặc những phương tiện giao thông khác với chi phí đắt đỏ so với thu nhập của phần đông NCT hiện nay. Tuy nhiên, chính sách này do sự sắp xếp từ ngân sách của các địa phương để thực hiện nên sự bao phủ còn hạn chế, đặc biệt đối với những địa phương còn nghèo.

Đối với việc tham gia các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch của NCT, đã có những quy định hỗ trợ: Thông tư 06/2012/TT-BVHTTDL quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 06/2011/NĐ-CP của Chính phủ về hỗ trợ người cao tuổi tham gia hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch và tổ chức mừng thọ người cao tuổi. Theo đó, NCT khi tham quan các di tích lịch sử - văn hóa, bảo tàng, danh lam thắng cảnh; tập luyện thể dục, thể thao tại các cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ này sẽ được giảm giá dịch vụ (ít nhất 20% theo Nghị định số 06/2011/NĐ-CP). Bên cạnh đó, Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch cũng khuyến khích các cơ sở cung cấp dịch vụ khác thuộc thẩm quyền của Bộ thực hiện giảm giá dịch vụ theo quy định. Ngoài ra, theo Thông tư này cũng quy định rõ cách thức tổ chức lễ mừng thọ cho NCT. Tuy nhiên, về cơ bản thì tính thực tiễn trong việc áp dụng chính sách này ở nhiều địa phương chưa thực sự hiệu quả. Nhiều địa phương chưa thực hiện miễn giảm giá vé, phí thăm quan tại cơ sở văn hóa, giải trí, thể dục thể thao, nhất là khu vực tư nhân cung cấp dịch vụ (Nguyễn Văn Đồng, 2017). Điều đó cho thấy việc thiếu kịp thời và đồng bộ trong việc thực hiện các chế độ hỗ trợ đối với NCT tại các địa phương chính là những rào cản ảnh hưởng trực tiếp tới quan điểm chung về hỗ trợ, chăm sóc NCT được thể hiện trong các văn bản chính sách của Đảng và Nhà nước. Từ đó, ảnh hưởng một cách trực tiếp tới sự chủ động và tích cực tham gia xã hội của NCT cũng như tác động tới quan điểm khuyến khích NCT được thực hiện quyền của mình trong các chính sách đã được Đảng và Nhà nước đưa ra.

Vấn đề phát triển mạng lưới xã hội của NCT cũng đã được Nghị quyết số 137/NQ-CP/2017 đưa ra bằng việc khuyến khích nhóm này tham gia vào các hoạt động kinh tế xã hội, đặc biệt là yêu cầu nhân rộng mô hình câu lạc bộ liên thế hệ tự giúp nhau trên quy mô cả nước. Nghị định 71/2000/NĐ-CP ngày 23/11/2000 về việc quy định kéo dài thời gian công tác của cán bộ, công chức đến độ tuổi nghỉ hưu đối với những người làm công tác nghiên cứu

có năng lực (chuyên gia cao cấp, có học vị tiến sĩ, có tài năng được thừa nhận). Hay Nghị định số 141/NĐ-CP/2013 của Chính phủ hướng dẫn Luật Giáo dục đại học về điều kiện, thời gian, nhiệm vụ, thủ tục, trình tự xem xét việc kéo dài và chính sách với giảng viên được kéo dài thời gian làm việc. Những văn bản chính sách này đều đánh giá cao năng lực làm việc của NCT có trình độ. Việc thúc đẩy NCT, đặc biệt những người có trình độ chuyên môn, kỹ thuật cao tham gia hoạt động kinh tế là góp phần nâng cao đời sống và duy trì hoạt động của NCT. Tuy nhiên, chính sách khuyến khích nghỉ hưu tiếp tục tham gia lao động mới chỉ tập trung ở một số đối tượng. Việc mở rộng chính sách, khuyến khích những NCT có khả năng và nhu cầu tiếp tục làm việc là cần thiết trong bối cảnh quá trình già hóa của dân số nước ta đang diễn ra nhanh. Điều này không chỉ khuyến khích những đối tượng khó khăn mà còn động viên NCT sống vui, sống thọ; giúp đất nước tận dụng được nguồn lao động có tay nghề cao, nhiều kinh nghiệm quý báu; đáp ứng nhu cầu của nhóm NCT và phù hợp với sự phát triển chung của toàn nhân loại. Kết quả này sẽ thực sự có ý nghĩa trong việc khuyến khích và động viên NCT tham gia lao động đóng góp cho cộng đồng cũng như hướng đến tuổi già tích cực, chủ động từ đó đảm bảo cuộc sống của NCT cả về thể chất và tinh thần. Sự ra đời các chính sách này góp phần quan trọng nhằm chống lại sự kì thị đối với NCT. Quan trọng hơn, giúp NCT tự xây dựng cho mình những phương thức an sinh hiệu quả, từ đó đảm bảo cuộc sống NCT ngày một tốt hơn và trong một chừng mực nào đó còn tham gia đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

5. Kết luận

Sự ra đời của các chính sách dành cho NCT thời gian qua cho thấy, Đảng và Nhà nước đã rất chú trọng vào việc xây dựng và phát triển môi trường sống cùng với hạ tầng tổ chức phù hợp dành cho NCT. Bên cạnh đó, việc phát huy mạng lưới xã hội của NCT để khuyến khích họ tích cực tham gia xã hội cũng đã được quan tâm. Các chính sách chăm sóc NCT hiện nay đang góp phần quan trọng trong việc nâng cao sức khỏe thể chất cho NCT, giúp họ chủ động hơn trong quá trình già hóa của bản thân. Việc xây dựng các hệ thống chính sách tạo một hành lang pháp lý rõ ràng cho việc chăm sóc sức khỏe thể chất của NCT là cần thiết trong bối cảnh già hóa dân số đang diễn ra mạnh mẽ ở Việt Nam. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai cho thấy, tuyến y tế cơ sở với số lượng và chất lượng dịch vụ còn hạn chế, nhân lực chưa đảm bảo đã ảnh hưởng một cách trực tiếp tới hoạt động chăm sóc sức khỏe cho NCT. Vì thế, xã hội hóa trong hoạt động chăm sóc sức khỏe cho NCT là cần thiết trong bối cảnh các dịch vụ y tế của nhà nước tại tuyến trung ương và tỉnh đang bị quá tải; tuyến cơ sở mới chỉ làm tốt trong hoạt động chăm sóc sức khỏe ban đầu. Trong khi đó, các chính sách trợ giúp xã hội tiếp tục đã cố gắng mở rộng về diện và độ bao phủ, hướng tới việc nâng cao mức sống của NCT thông qua các hỗ trợ kinh tế, tuy nhiên mới chỉ ở mức độ duy trì cuộc sống. Các hoạt động trợ giúp tinh thần cho NCT còn hạn chế do phụ thuộc vào nguồn ngân sách địa phương. Về cơ bản thì các chính sách trợ giúp xã hội dành cho NCT mới chỉ hướng tới việc cung cấp không gian sống/môi trường nhằm đảm bảo cho NCT có sức khỏe thể chất và tinh thần ở mức tối thiểu. Do vậy, sự trợ giúp từ mạng lưới truyền thống

như: gia đình, họ hàng, bạn bè và bản thân NCT vẫn sẽ đóng một vai trò quan trọng và có ý nghĩa. Những hạn chế về nguồn lực của hệ thống ASXH quốc gia đang là một trong những yếu tố tác động tới việc triển khai các chính sách khuyến khích NCT tham gia xã hội. Thực tiễn cho thấy, nhiều chính sách hỗ trợ do phụ thuộc vào ngân sách địa phương dẫn đến việc thụ hưởng các ưu đãi của NCT bị ảnh hưởng, thiếu đồng đều. Những địa phương có ngân sách tốt thì việc thực hiện các ưu đãi cho NCT khi tham gia xã hội sẽ tốt hơn so với các địa phương khác. Do vậy, hợp tác công tư trong cung cấp các dịch vụ cho NCT sẽ là phù hợp với bối cảnh các hỗ trợ từ nhà nước chưa thể bao phủ được hết. Tuy nhiên, hình thức này mới chỉ tập trung ở những đô thị lớn với nhu cầu nhiều, do vậy, sự bảo hộ cho NCT ở đây tốt hơn. Và ở một phương diện nào đó thì thực tế này nếu kéo dài sẽ dẫn tới tình trạng thiếu công bằng trong quá trình tiếp cận các dịch vụ xã hội của NCT nói chung. Cần khuyến khích NCT tham gia và đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, tạo cho họ có cuộc sống năng động và ý nghĩa. Và khi quá trình tham gia xã hội của NCT được quan tâm đúng mức và với điều kiện sức khỏe cho phép, NCT hoàn toàn có thể chủ động “tự an sinh” cho chính mình bằng sự chuẩn bị trước khi bước vào tuổi già và cả trong quá trình đã trở thành NCT.

Các chính sách dành cho NCT sau hơn 20 năm đã cho thấy những thay đổi trong quan điểm của Đảng và Nhà nước. Đó là thay vì cách thức bao sân toàn bộ của Nhà nước như trước đây thì đến nay việc chăm sóc và bảo vệ NCT đã được chia sẻ với gia đình, cộng đồng, các tổ chức và xa hơn là khuyến khích các hình thức tự an sinh của NCT. Thay vì chỉ đơn thuần chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ NCT, hiện nay các chính sách đã hướng tới việc hỗ trợ, thúc đẩy nhận thức của NCT về quyền lợi và trách nhiệm của mình để từ đó giúp họ chủ động và tích cực sống vui, sống khỏe và sống có ích. Qua đó, góp phần làm thay đổi quan điểm nhằm chống lại sự kì thị đối với NCT như là một gánh nặng của xã hội. Mặc dù trong quá trình thực tiễn triển khai vẫn còn những hạn chế nhất định do phụ thuộc vào từng đặc trưng của mỗi địa bàn, địa phương. Nhưng rõ ràng, quan điểm chính sách mang tính nhất quán đã góp phần xây dựng một nền tảng pháp lý quan trọng nhằm hỗ trợ, bảo vệ và trợ giúp NCT trong thực tiễn một cách hữu ích, giúp họ đón nhận tuổi già chủ động và tích cực.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Tuấn Anh và Nguyễn Thị Kim Nhung (2020), *Người cao tuổi và lương hưu ở Việt Nam*, Báo cáo quốc gia Việt Nam, số 1, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và UNFPA (2016), “Đánh giá 5 năm thực hiện Luật Người cao tuổi 2010 - 2014”, Báo cáo đánh giá, Hà Nội.
3. Công văn 3873/BGTVT-CP/2011 của Bộ Giao thông Vận tải về việc “triển khai thực hiện quy định về giảm giá vé, giá dịch vụ cho người cao tuổi khi tham gia giao thông bằng tàu thủy chở khách, tàu hỏa chở khách, máy bay chở khách” và Nghị định 65/2018/NĐ-CP ngày 12/5/2018 “Quy định định chi tiết thi hành một số điều của Luật đường sắt”.
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, ngày 28/01/2016.

5. Nguyễn Văn Đồng (2017), “Luật Người cao tuổi: Thực tiễn triển khai sau 8 năm ban hành”, Tạp chí *Xã hội học*, số 1 (137).
6. HAI (Help Age International - Tổ chức Hỗ trợ Người cao tuổi Quốc tế) (2015), “Chăm sóc người cao tuổi dựa vào cộng đồng”, Nghiên cứu đánh giá, Thanh Hóa.
7. Hội Người cao tuổi Việt Nam (2020), “Báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hành động Quốc gia vì người cao tuổi Việt Nam giai đoạn 2012 – 2020”, Số 331/BC-HNCT-CS ngày 8/7/2020.
8. Nguyễn Thu Hương (2020), *Già hóa và sức khỏe*, Báo cáo quốc gia Việt Nam, số 1, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
9. Trịnh Duy Luân (2016), “Chính sách chăm sóc người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 1 (98).
10. Nghị định số 06/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011, “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người cao tuổi”.
11. Thông tư 71/2011/TT-BGTVT của Bộ giao thông vận tải ngày 30/12/2011, “Quy định về hỗ trợ người cao tuổi khi tham gia giao thông công cộng”.
12. Nguyễn Đình Tuấn (2016), “An sinh xã hội cho người cao tuổi ở Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 11 (108).
13. Nguyễn Thị Thanh Tùng (2016), “Mạng lưới xã hội của người cao tuổi ở thành phố Hồ Chí Minh” (nghiên cứu trường hợp quận Bình Thạnh và quận 12, Tp. Hồ Chí Minh), Tạp chí *Khoa học Xã hội và Nhân văn*, số 21.
14. UNFPA (2019), “Hướng tới chính sách quốc gia toàn diện thích ứng với già hóa dân số ở Việt Nam”, Báo cáo đánh giá, Hà Nội, tháng 3.
15. Viện Chính sách Công và Quản lý (2013), “Đánh giá triển khai thực hiện luật người cao tuổi 2010 - 2012”, Nghiên cứu đánh giá, Hà Nội.
16. Viện Khoa học Lao động và Xã hội (2016), “Già hóa dân số và những thách thức”, Báo cáo thống kê, Hà Nội.
17. Viện Khoa học Lao động và Xã hội (2020), *Xu hướng lao động và xã hội Việt Nam: Báo cáo thường niên 2019*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
18. Nguyễn Đức Vinh (2020), *Biến đổi nhân khẩu học ở Việt Nam*, Báo cáo quốc gia Việt Nam, số 1, Nxb Thanh niên, Hà Nội.
19. Trịnh Thị Thu Hiền (2019), “Xu thế già hóa dân số ở nước ta và vấn đề chăm sóc sức khỏe, sử dụng lao động người cao tuổi”, Tạp chí *Cộng sản*, <https://tapchicongsan.org.vn/chuong-trinh-muc-tieu-y-te-dan-so/-/2018/811402/xu-the-gia-hoa-dan-so-o-nuoc-ta-va-van-de-cham-soc-suc-khoe%2C-su-dung-lao-dong-nguoi-cao-tuoi.aspx>, truy cập ngày 11/9/2019.
20. Giang Thanh Long và Đỗ Thị Thu (2019), “Chính sách an sinh xã hội đối với xu hướng già hóa dân số ở Việt Nam”, <http://www.lapphap.vn/Pages/TinTuc/206834/Chinh-sach-an-sinh-xa-hoi-doi-voi-xu-huong-gia-hoa-dan-so-o>, truy cập ngày 26/03/2021.
21. Lê Nga (2019), “Dân số Việt Nam bước vào giai đoạn rất già năm 2049”, <https://vnexpress.net/dan-so-viet-nam-buoc-va-oi-giai-doan-rat-gia-nam-2049-3955678.html>, truy cập ngày 22/7/2019.
22. Phạm Tuấn (2020), “Thúc đẩy già hóa năng động và sức khỏe tâm thần trong khu vực ASEAN”, <https://nhandan.vn/tin-tuc-y-te/thuc-day-gia-hoa-nang-dong-va-suc-khoe-tam-than-trong-khu-vuc-asean-624909>, truy cập ngày 18/11/2020.

